

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1388/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phèo.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự lý số: 890/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 123 đường 355, tổ 3, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn C, sinh năm 1962.

Thường trú: 5/96C ấp N, xã T, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: Số 123 đường 355, tổ 3, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 23/10/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày sự việc như sau:

Bà (Lê Thị Kim L) và ông Lê Văn C sống chung như vợ chồng từ năm 1999 nhưng từ đó cho đến nay, hai bên không có đăng ký kết hôn.

Khi sống chung ông, bà sống ở nhà riêng tại ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống của bà không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông C có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác nhau và có con với họ. Bà đã ly thân hơn hai

năm nay. Hiện nay, ông C đã chính thức kết hôn với người khác. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 03 con chung, tên là: Lê Anh K, sinh ngày 30/03/1999 (đã trưởng thành), Lê Anh K, sinh ngày 05/01/2004 và Lê Anh Q, sinh ngày 30/11/2004. Bà yêu cầu được nuôi các con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Bị đơn là ông Lê Văn C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai của ông C. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Lê Văn C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Kim L và ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông C có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác nhau và có con với họ. Bà đã ly thân hơn hai năm nay. Hiện nay, ông C đã chính thức kết hôn với người khác. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Xét thấy, bà Lê Thị Kim L và ông Lê Văn C sống chung như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Khi có yêu cầu ly hôn thì căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ là vợ chồng. Do vậy, nên Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của bà L, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim L và ông Lê Văn C.

[4] Về con chung: Có 03 con chung, tên là: Lê Anh K, sinh ngày 30/03/1999 (đã trưởng thành), Lê Anh K, sinh ngày 05/01/2004 và Lê Anh Q, sinh ngày 30/11/2004. Đối với con chung của bà L và ông C tên Lê Anh K, sinh ngày 30/03/1999 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét. Xét 02 con chung tên: Lê Anh K, sinh ngày 05/01/2004 và Lê Anh Q, sinh ngày 30/11/2004 hiện đang sống với bà L, để ổn định tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 (hai) con chung tên Lê Anh K và Lê Anh Q cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà L trình bày không có.

Ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông C có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng các Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim L và ông Lê Văn C.

- Về con chung:

Bà L và ông C có 03 con chung, tên là Lê Anh K, sinh ngày 30/03/1999 (đã trưởng thành), Lê Anh K, sinh ngày 05/01/2004 và Lê Anh Q, sinh ngày 30/11/2004.

Bà Lê Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Anh K và Lê Anh Q. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Nếu ông C có tranh chấp thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Kim L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị Kim L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0022286 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Phèo